

Bản án số: 68/2021/HS-ST  
Ngày: 25-11-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM, TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Triệu Quốc Hiếu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

**Ông Huỳnh Chí Trình**

**Ông Nguyễn Trung Du**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Trúc – Thư ký TAND huyện Vũng Liêm.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tham gia phiên tòa:**  
**Ông Trần An Khương** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 10/2021/TLST-HS, ngày 18 tháng 3 năm 2021; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2021/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2021, đối với bị cáo:

**Phạm Văn C** (Nguyễn Minh S, Tư S), giới tính: Nam, sinh năm 1964; tại: thị trấn C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: tổ dân phố 6, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; trình độ học vấn: 10/10; nghề nghiệp: chăn nuôi; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Phạm Đình N (chết) và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1930; vợ Hoàng Thị T, sinh năm 1968; con 01 người sinh năm 1990; anh, em ruột có 05 người, lớn nhất sinh năm 1959, nhỏ nhất sinh năm 1971; tiền sự: không; tiền án: không; nhân thân: Ngày 18/4/2001, bị Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hà Nội xử phạt 05 năm tù, về tội: Cướp tài sản của công dân, đã chấp hành xong hình phạt ngày 20/01/2004; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 15/9/2020 và hiện có mặt tại phiên tòa.

*Người bào chữa cho bị cáo có ông Nguyễn Phước T, luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Dương Văn H, Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long (có mặt).*

**- Bị hại:**

1. Nguyễn Thị O, sinh năm 1956 (có đơn xin vắng mặt);

2. Huỳnh Văn M, sinh năm 1963 (vắng mặt);
  3. Nguyễn Văn T, sinh năm 1961 (vắng mặt);  
Cùng cư trú: ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.
  4. Đoàn Quốc V, sinh năm 1958 (vắng mặt);  
Nơi cư trú: ấp 5, xã T, huyện V, Tỉnh Vĩnh Long.
  5. Nguyễn Thị T, sinh năm 1956 (có đơn xin vắng mặt);  
Nơi cư trú: ấp N, xã H, huyện V, Vĩnh Long.
  6. Lê Thị Ngọc N, sinh năm 1960 (vắng mặt);  
Nơi cư trú: số 24, C, phường P, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.
  7. Lê Văn L, sinh năm 1947 (vắng mặt);
  8. Lê Văn N, sinh năm 1952 (vắng mặt);
  9. Phùng Văn B, sinh năm 1975 (vắng mặt);
  10. Lê Thị Diễm T, sinh năm 1972 (vắng mặt);  
Cùng cư trú: ấp P, xã H, huyện V, Vĩnh Long.
  11. Nguyễn Văn L (chết)  
Người kế thừa là ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1978 (vắng mặt);
  12. Huỳnh Văn T (Nguyễn Hữu T), sinh năm 1959 (vắng mặt);  
Cùng cư trú: ấp HB, xã H, huyện V, Vĩnh Long.
  13. Nguyễn Hoàng P, sinh năm 1967 (vắng mặt);  
Nơi cư trú: ấp HA, xã H, huyện V, Vĩnh Long.
  14. Nguyễn Hữu T, sinh năm 1967 (vắng mặt);
  15. Lê Văn L, sinh năm 1962 (vắng mặt);
  16. Nguyễn Thanh M, sinh năm 1959 (vắng mặt);  
Cùng cư trú: ấp P, xã H, huyện V, Vĩnh Long.
  17. Nguyễn Văn N, sinh năm 1961 (vắng mặt);  
Nơi cư trú: số 9/4, M, phường BA, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.
  18. Quách Văn T (chết)  
Người kế thừa là bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1963 (vắng mặt);  
Nơi cư trú: ấp Q, xã H, huyện V, Vĩnh Long.
  19. Phạm Văn P, sinh năm 1969 (vắng mặt);  
Nơi cư trú: ấp A, xã T, huyện V, Vĩnh Long.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:
1. Nguyễn Thị C, sinh năm 1948 (có đơn xin vắng mặt);

Nơi cư trú: ấp P, xã H, huyện V, Vĩnh Long.

2. Phùng Thị H, sinh năm 1970 (có đơn xin vắng mặt);

Nơi cư trú: số 159/12/12, Nguyễn Thị Minh K, phường 1, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

3. Hoàng Thị T, sinh năm 1968 (có mặt);

Nơi cư trú: tổ dân phố 6, thị trấn C, huyện C, Hà Tĩnh.

4. Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1954 (vắng mặt);

5. Võ Thị P, sinh năm 1969 (vắng mặt);

6. Nguyễn Văn V, sinh năm 1978 (vắng mặt);

7. Trần Thị Lệ H, sinh năm 1967 (vắng mặt);

Cùng cư trú: ấp T, xã H, huyện V, Vĩnh Long.

8. Nguyễn Thanh L, sinh năm 1963 (vắng mặt);

9. Nguyễn Thị Lệ T, sinh năm 1965 (vắng mặt);

Cùng cư trú: ấp Q, xã H, huyện V, Vĩnh Long.

10. Nguyễn Thị U, sinh năm 1967 (vắng mặt);

11. Huỳnh Thị H, sinh năm 1972 (vắng mặt);

12. Phùng Thị M, sinh năm 1954 (vắng mặt);

13. Nguyễn Thị N, sinh năm 1947 (vắng mặt);

14. Trần Văn C, sinh năm 1965 (vắng mặt);

15. Trần Văn V, sinh năm 1971 (vắng mặt);

16. Huỳnh Bác A, sinh năm 1962 (vắng mặt);

Cùng cư trú: ấp N, xã H, huyện V, Vĩnh Long.

17. Phan Ngọc K, sinh năm 1973 (có mặt);

18. Lê Thị H, sinh năm 1954 (vắng mặt);

19. Phan Ngọc V, sinh năm 1957 (có mặt);

20. Lê Thị O, sinh năm 1957 (vắng mặt);

Cùng cư trú: ấp H, xã H, huyện V, Vĩnh Long.

21. Lê Trung K, sinh năm 1955 (có mặt)

Nơi cư trú: Số 225F, C, phường 8, tp. V, tỉnh Vĩnh Long.

22. Phạm Minh K, sinh năm 1962 (có đơn xin vắng mặt);

23. Nguyễn Thị S, sinh năm 1963 (vắng mặt);

Cùng cư trú: ấp Q, xã H, V, Vĩnh Long.

24. Phùng Văn T, sinh năm 1966 (vắng mặt);

25. La Văn L, sinh năm 1966 (vắng mặt);  
26. Võ Thị G, sinh năm 1962 (vắng mặt);  
27. Phùng Văn Y, sinh năm 1941 (vắng mặt);  
28. Nguyễn Hữu C, sinh năm 1971 (vắng mặt);  
29. Lê Thái T, sinh năm 1990 (vắng mặt);  
Cùng cư trú: ấp P, xã H, huyện V, Vĩnh Long.  
30. Lê Thị P, sinh năm 1956 (có đơn xin vắng mặt);  
Nơi cư trú: ấp R, xã T, huyện V, Vĩnh Long.  
31. Trần Hồng C, sinh năm 1958 (vắng mặt);  
Nơi cư trú: ấp Q, xã H, huyện V, Vĩnh Long.  
32. Trần Văn T, sinh năm 1969 (vắng mặt);  
Nơi cư trú: ấp H, xã H, huyện V, Vĩnh Long.  
33. Phan Thị P, sinh năm 1966 (vắng mặt);  
Nơi cư trú: ấp P, xã H, huyện V, Vĩnh Long.  
34. Nguyễn Thu V, sinh năm 1963 (vắng mặt);  
Nơi cư trú: ấp 5, xã T, huyện V, Vĩnh Long.  
35. Nguyễn Văn T, sinh năm 1961 (có đơn xin vắng mặt);  
Nơi cư trú: ấp H, xã T, V, Vĩnh Long.  
36. Nguyễn Thị S, sinh năm 1962 (có mặt);  
Nơi cư trú: ấp M, xã C, huyện V, Vĩnh Long.  
37. Nguyễn Thị L (chết)  
Người kế thừa là ông Nguyễn Duy L, sinh năm 1977 (vắng mặt).  
Nơi cư trú: ấp P, thị trấn V, V, Vĩnh Long.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 09/3/1995, tại huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, Phạm Văn C đã cùng với đồng bọn thực hiện hành vi “Cướp giật tài sản của công dân” rồi bỏ trốn, sau đó đến làm công nhân bốc vác tại Công ty lương thực Miền Nam, tại địa chỉ: phường 9, thị xã V (nay là thành phố V), tỉnh Vĩnh Long. Thời gian làm công nhân, C nhận được Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Minh S, sinh năm 1961, nơi cư trú: Đội 7, xã L, huyện Đ, tỉnh Nghệ An, và từ đó để tránh sự phát hiện truy bắt của cơ quan Công an, Phạm Văn C lấy tên là Nguyễn Minh S hay Tư S. Khoảng 03 - 04 tháng sau, C đến làm thuê tại nhà máy xay lúa biển hiệu “Nam Thành” của bà

Nguyễn Thị N thuộc ấp P, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long và khai báo tên là Nguyễn Minh S. Trong thời gian làm thuê tại nhà máy “Nam Thành”, C cưới vợ là chị Phùng Thị H con gái của ông Phùng Văn Y và bà Nguyễn Thị C và sinh sống tại ấp P, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Đến ngày 22/12/1995, bà N bán nhà máy “Nam Thành”, bà C và C cùng hùn tiền mỗi người một nửa để mua lại với giá 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng). Sau khi mua lại nhà máy, bà C giao cho C quản lý, điều hành mọi hoạt động của nhà máy và C đặt tên cho nhà máy là “Ngọc Hậu”. Trong thời gian nhà máy hoạt động, C là người trực tiếp giao dịch làm ăn với bạn hàng và thực hiện dưới hình thức:

- Người mua gạo đặt tiền cọc trước cho C rồi nhận gạo sau và C viết biên nhận, nhận tiền đặt cọc giao cho bạn hàng;

- Người mua lúa tạm ứng tiền từ C đi mua lúa, sau đó về bán lại cho C để hưởng tiền hoa hồng, C dùng tiền nhận đặt cọc mua gạo tạm ứng cho người mua lúa. Việc giao nhận tiền tạm ứng C ghi lại vào sổ của nhà máy, khi người mua đem lúa về nhà máy bán lại, sẽ đối chiếu thanh toán tiền đã tạm ứng.

Ngoài ra, C còn nhận ký gửi lúa của nhiều nông dân khác.

Với hình thức giao dịch như trên, C đã nhận tiền đặt cọc mua gạo của nhiều bạn hàng mua gạo, giao tiền cho nhiều bạn hàng mua bán lúa và nhận ký gửi lúa của nhiều nông dân.

Đến khoảng cuối tháng 5/1996, anh Hoàng Văn X là bạn cùng quê vào thăm, nói cho C biết Công an tỉnh Hà Tĩnh đang tìm bắt C, do sợ bị bắt nên C có ý định bỏ trốn. Đến ngày 01/6/1996, C thuê ghe của chị Nguyễn Thị O chở khoảng 35 - 40 tấn gạo đến tỉnh Đồng Tháp bán được số tiền khoảng 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng) - 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng), rồi bỏ trốn.

Sau khi C bỏ trốn, nhiều bị hại là bạn hàng mua gạo, nông dân ký gửi lúa, bạn hàng mua bán lúa, người cho vay, mượn tiền đã gửi đơn tố giác C chiếm đoạt tiền. Cụ thể như sau:

*\* Những bạn hàng mua gạo:*

1. Nguyễn Thị O đã bị C chiếm đoạt số tiền 47.470.000đ (bốn mươi bảy triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng).

2. Huỳnh Văn M đã bị C chiếm đoạt số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

3. Đoàn Quốc V đã bị C chiếm đoạt số tiền 27.400.000đ (hai mươi bảy triệu bốn trăm nghìn đồng).

4. Nguyễn Văn T đã bị C chiếm đoạt số tiền 76.053.000đ (bảy mươi sáu triệu không trăm năm mươi ba nghìn đồng).

5. Nguyễn Thị To đã bị C chiếm đoạt số tiền 75.610.000đ (bảy mươi lăm triệu sáu trăm mười nghìn đồng).

6. Lê Thị Ngọc N đã bị C chiếm đoạt số tiền 58.000.000đ (năm mươi tám

triệu đồng).

7. Lê Văn L đã bị C chiếm đoạt số tiền 54.280.000đ (năm mươi bốn triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng).

8. Nguyễn Văn L đã bị C chiếm đoạt số tiền 44.839.000đ (bốn mươi bốn triệu tám trăm ba mươi chín nghìn đồng).

9. Nguyễn Hoàng P đã bị C chiếm đoạt số tiền 41.000.000đ (bốn mươi một triệu đồng).

10. Lê Văn N đã bị C chiếm đoạt số tiền 14.160.000đ (mười bốn triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng).

11. Nguyễn Hữu T đã bị C chiếm đoạt số tiền 45.000.000đ (bốn mươi lăm triệu đồng).

12. Nguyễn Văn N đã bị C chiếm đoạt số tiền 25.652.000đ (hai mươi lăm triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn đồng).

Tổng cộng, C đã chiếm đoạt số tiền của những người đặt cọc mua gạo nêu trên là 539.464.000đ (năm trăm ba mươi chín triệu bốn trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

*\* Những nông dân ký gửi lúa:*

1. Nguyễn Thành M đã bị C chiếm đoạt lúa ký gửi được tính giá lúa tại thời điểm đó bằng số tiền 4.560.000đ (bốn triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng).

2. Lê Văn L đã bị C chiếm đoạt lúa ký gửi được tính giá lúa tại thời điểm đó bằng số tiền 4.596.000đ (bốn triệu năm trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

3. Quách Văn T đã bị C chiếm đoạt lúa ký gửi được tính giá lúa tại thời điểm đó bằng số tiền 4.950.000đ (bốn triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).

Tổng cộng, C đã chiếm đoạt số tiền là 14.106.000đ (mười bốn triệu một trăm lẻ sáu nghìn đồng).

*\* Bạn hàng mua bán lúa:*

Anh Phùng Văn B đã bị C đã chiếm đoạt số tiền 828.000đ (tám trăm hai mươi tám nghìn đồng).

*\* Đối với những người khác:*

1. Lê Thị Diễm T đã bị C đã chiếm đoạt số tiền mượn mua nhiên liệu là 6.000.000đ (sáu triệu đồng).

2. Phạm Văn P đã bị C đã chiếm đoạt số tiền vay là 2.826.000đ (hai triệu tám trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

Như vậy, Phạm Văn C đã chiếm đoạt của những bị hại gồm: bạn hàng mua gạo, nông dân ký gửi lúa, bạn hàng mua bán lúa, những người khác, tổng cộng các khoản với số tiền là 563.224.000đ (năm trăm sáu mươi ba triệu hai trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

Ngày 10/6/1996, Công an huyện Vũng Liêm ra Quyết định khởi tố vụ án hình

sự, Quyết định khởi tố bị can và ra Lệnh bắt, tạm giam bị can đối với Nguyễn Minh S, về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của công dân” theo quy định tại Điều 158 Bộ luật Hình sự năm 1985.

Ngày 20/7/1996, Công an huyện Vũng Liêm ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án, Quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can và Quyết định truy nã đối với Nguyễn Minh S.

Ngày 29/7/1996, Công an huyện Vũng Liêm ra Lệnh kê biên tài sản của Nguyễn Minh S, gồm: Nhà xưởng, hệ thống thiết bị xay xát, tổng thể diện tích đất nhà máy “Ngọc Hậu” và tài sản có liên quan do C tạo lập gồm: 01 tivi màu hiệu Philip 20inch, 01 đầu máy chiếu phim hiệu TOHIBA.

Ngày 02/11/1996, Công an huyện Vũng Liêm chuyển toàn bộ hồ vụ án trên đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Vĩnh Long thụ lý điều tra theo thẩm quyền.

Ngày 09/12/1996, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Long đề nghị Sở tài chính vật giá tỉnh Vĩnh Long thành lập hội đồng định giá và bán đấu giá tài sản đã kê biên của C.

Ngày 08/3/1997, Hội đồng hóa giá tài sản tỉnh Vĩnh Long tiến hành bán đấu giá tài sản đã kê biên được số tiền là 220.000.000đ (hai trăm hai mươi triệu đồng), sau khi trừ phí đấu giá 0,5% bằng số tiền 1.100.000đ (một triệu một trăm nghìn đồng) thì số tiền bán đấu giá tài sản trên thu được là 218.900.000đ (hai trăm mười tám triệu chín trăm nghìn đồng) và tài sản có liên quan bán được số tiền là 4.550.000đ (bốn triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

Số tiền bán đấu giá được chia làm đôi, bà C được nhận số tiền là 109.450.000đ (một trăm lẻ chín triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng), số tiền còn lại Cơ quan điều tra tạm giữ cùng với số tiền thu giữ được của những bạn hàng là người mua bán lúa đã nhận tiền tạm ứng của C còn thiếu giao nộp. Ngoài ra, sau khi C bỏ trốn, Công an huyện Vũng Liêm kết hợp cùng các bị hại và bà C bán phần lúa, gạo còn tồn tại nhà máy; bán dầu; bán trấu ...Số tiền thu được chia theo tỉ lệ phần trăm để chi trả cho các bị hại. Kết quả đã chi trả cho các bị hại 02 (hai) đợt:

- Đợt 1: chi trả số tiền là 156.225.000đ (một trăm năm mươi sáu triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

- Đợt 2: chi trả số tiền là 84.100.000đ (tám mươi bốn triệu một trăm nghìn đồng).

Tổng cộng đã chi trả cho các bị hại và những người liên quan được số tiền là 240.325.000đ (hai trăm bốn mươi triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Sau khi chi trả, còn lại số tiền là 9.527.000đ (chín triệu năm trăm hai mươi bảy nghìn đồng), Công an huyện Vũng Liêm gửi tiết kiệm không kỳ hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện Vũng Liêm. Hiện nay số tiền này và tiền lãi đã được giao lại cho bị cáo khắc phục hậu quả.

Đến ngày 15/9/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Vĩnh Long bắt được Phạm Văn C nên ra Quyết định phục hồi điều tra vụ án hình sự, phục hồi điều tra bị can và tạm giam Phạm Văn C (tên gọi khác là Nguyễn Minh S) để điều tra.

Qua điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Long xác định: Khi C bỏ trốn đi khỏi nhà máy “Ngọc Hậu” vào năm 1996, đã nhận tiền đặt cọc mua gạo của 12 bạn hàng số tiền là 539.464.000đ (năm trăm ba mươi chín triệu bốn trăm sáu mươi bốn nghìn đồng), rồi cho bạn hàng mua bán lúa tạm ứng số tiền là 98.773.380đ (chín mươi tám triệu bảy trăm bảy mươi ba nghìn ba trăm tám mươi đồng) từ nguồn tiền trên để đi mua lúa về giao cho C, do C bỏ trốn nên chưa thanh toán.

Như vậy, khi C bỏ trốn vào năm 1996, đã chiếm đoạt số tiền là 440.690.620đ (bốn trăm bốn mươi triệu sáu trăm chín mươi nghìn sáu trăm hai mươi đồng), nên ngày 22/12/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Long chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án hình sự trên đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long để xử lý theo thẩm quyền.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vũng Liêm đã tiến hành đối chiếu nợ trực tiếp giữa Phạm Văn C với các bị hại và xác định chính xác số tiền C chiếm đoạt của các bị hại là 563.224.000đ (năm trăm sáu mươi ba triệu hai trăm hai mươi bốn nghìn đồng). Tuy nhiên, trước khi C bỏ trốn, C đã có cho 28 bạn hàng mua bán lúa tạm ứng số tiền 106.001.800 (một trăm lẻ sáu triệu không trăm lẻ một nghìn tám trăm đồng), từ nguồn tiền này. Như vậy, số tiền C đã chiếm đoạt của các bị hại là 457.222.200đ (bốn trăm năm mươi bảy triệu hai trăm hai mươi hai nghìn hai trăm đồng).

Qua điều tra, Phạm Văn C đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội và đã cùng gia đình khắc phục hậu quả xong cho các bị hại và các bị hại có đơn xin bãi nại.

Về trách nhiệm dân sự:

Năm 1996 - 1997, Công an huyện Vũng Liêm và Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Long đã tiến hành chi trả tiền cho các bị hại 02 (hai) đợt với số tiền 240.325.000đ (hai trăm bốn mươi triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Ngày 21/01/2021, C cùng vợ là bà Hoàng Thị T, tự thỏa thuận khắc phục hậu quả xong cho 17 bị hại với tổng số tiền 323.382.680đ (ba trăm hai mươi ba triệu ba trăm tám mươi hai nghìn đồng sáu trăm tám mươi đồng).

Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bạn hàng mua bán lúa còn thiếu lại C số tiền là 20.156.500đ (hai mươi triệu một trăm năm mươi sáu nghìn năm trăm đồng). Cảnh không yêu cầu những người này phải trả lại số tiền trên.

Cáo trạng số: 16/CT-VKSHVL ngày 18/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm đã truy tố Phạm Văn C (Nguyễn Minh S, Tư S) về tội: Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản; theo khoản 3 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.



Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố đối với Phạm Văn C (Nguyễn Minh S, Tư S); đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3, khoản 5 Điều 175; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; tuyên phạt bị cáo Phạm Văn C (Nguyễn Minh S, Tư S) mức án tù 03 năm 06 tháng tù đến 04 năm tù. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Do những bị hại đã nhận xong tiền bồi thường và không yêu cầu gì khác, nên không đặt ra xem xét.

Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bạn hàng mua bán lúa còn thiếu lại bị cáo C số tiền là 20.156.500đ (hai mươi triệu một trăm năm mươi sáu nghìn năm trăm đồng). Do bị cáo C không yêu cầu những người này phải trả lại số tiền trên, nên không đặt ra xem xét.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn C (Nguyễn Minh S, Tư S) đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội qua đó cho thấy bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như: Đã khắc phục xong bồi thường cho những người bị hại và được những người bị hại có đơn xin bãi nại; bị cáo có nhiều thành tích trong lao động, sản xuất được tặng nhiều bằng khen, giấy khen; bị cáo có bà nội là bà mẹ Việt Nam anh hùng, có chú ruột là liệt sĩ. Nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo ở mức thấp nhất của khung hình phạt liên kề.

Lời nói sau cùng của bị cáo: không.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Phạm Văn C (Nguyễn Minh S, Tư S) đã thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo đúng như Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án; Bị cáo xác định không khiếu nại đối với quá trình tiến hành tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, của điều tra viên, kiểm sát viên và lời khai của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung hay dùng nhục hình. Do đó, hành vi và các chứng cứ, tài liệu của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, qua lời khai của bị cáo đã thể hiện: Năm 1995 Phạm Văn C sau khi cùng với đồng bọn thực hiện hành vi “Cướp giật tài sản của công dân” đã bỏ trốn, sau đó đến làm công nhân bốc vác tại Công ty lương thực Miền Nam, tại địa chỉ: phường 9, thị xã V (nay là thành phố V), tỉnh Vĩnh Long. Thời gian làm công nhân, C nhận được Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Minh S, sinh năm 1961, nơi cư trú: Đội 7, xã L, huyện Đ, tỉnh Nghệ An, và từ đó để tránh sự phát hiện truy bắt của cơ quan Công an, Phạm Văn C lấy tên là Nguyễn Minh S

hay Tư S. Cảnh sau đó đến làm thuê tại nhà máy xay lúa biển hiệu “Nam Thành” của bà Nguyễn Thị N và khai báo tên là Nguyễn Minh S. Trong thời gian làm thuê tại nhà máy “Nam Thành”, C cưới vợ là chị Phùng Thị H con gái của ông Phùng Văn Y và bà Nguyễn Thị C và sinh sống tại ấp P, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Đến ngày 22/12/1995, bà N bán nhà máy “Nam Thành”, bà C và C cùng hùn tiền mỗi người một nửa để mua lại với giá 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng). Sau khi mua lại nhà máy, bà C giao cho C quản lý, điều hành mọi hoạt động của nhà máy và C đặt tên cho nhà máy là “Ngọc Hậu”. Đến khoảng cuối tháng 5/1996, anh Hoàng Văn X là bạn cùng quê vào thăm, nói cho C biết Công an tỉnh Hà Tĩnh đang tìm bắt C, do sợ bị bắt nên C đã bỏ trốn. Khi C bỏ trốn, C đã chiếm đoạt của những bị hại là những người mua bán lúa, gạo, những người ký gửi lúa, những người cho bị cáo vay mượn,...với tổng số tiền là 457.222.200đ (bốn trăm năm mươi bảy triệu hai trăm hai mươi hai nghìn hai trăm đồng). Do đó, đã đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo đã phạm vào tội: Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản; theo khoản 3 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã lợi dụng sự tin tưởng của những người bị hại đã giao tài sản cho bị cáo để chiếm đoạt tài sản của họ, mà tài sản hợp pháp của những người bị hại luôn được pháp luật bảo vệ tránh bị xâm hại. Hành vi của bị cáo đã gây bức xúc và nghi ngờ trong nhân dân, gây mất an ninh trật tự tại địa phương, nên đối với bị cáo cần có hình phạt nghiêm để giáo dục bị cáo và để phòng ngừa chung trong xã hội.

[3] Tuy nhiên, sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tích cực khắc phục hậu quả cho những người bị hại và bị hại có yêu cầu xin được giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có nhiều thành tích được tặng thưởng nhiều bằng khen, giấy khen; bị cáo có bà nội là bà mẹ Việt Nam anh hùng, có chú ruột là liệt sĩ; do đó cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung:

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Do các bị hại đã nhận bồi thường xong và không có yêu cầu gì khác, nên không xem xét giải quyết.

Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bạn hàng mua bán lúa còn thiếu lại bị cáo C số tiền là 20.156.500đ (hai mươi triệu một trăm năm mươi sáu nghìn năm trăm đồng). Bị cáo C không yêu cầu những người này phải trả lại số tiền trên, nên không xem xét giải quyết.

[6] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đã xem xét đến các chứng cứ được đưa ra thẩm tra tại phiên tòa, đã đánh giá đúng hành vi, tính chất và mức độ phạm tội của bị cáo. Về đề nghị mức hình phạt, đại diện Viện kiểm sát đã xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo. Do đó, chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

[7] Đối với quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là có cơ sở, nên chấp nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp tiền án phí theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn C (Nguyễn Minh S, Tư S) phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 175; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

*Xử phạt:* Bị cáo Phạm Văn C (Nguyễn Minh S, Tư S): 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 15/9/2020.

2. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Do các bị hại đã nhận bồi thường xong và không có yêu cầu gì khác, nên không xem xét giải quyết.

Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bạn hàng mua bán lúa còn thiếu lại bị cáo C số tiền là 20.156.500đ (hai mươi triệu một trăm năm mươi sáu nghìn năm trăm đồng). Bị cáo C không yêu cầu những người này phải trả lại số tiền trên, nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo C phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết, tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long;
- Viện kiểm sát tỉnh Vĩnh Long;

Đã ký

- Viện kiểm sát huyện Vũng Liêm;
- Công an huyện Vũng Liêm;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- Nhà tạm giữ; Bị cáo;
- Bị hại; đại diện bị hại; người liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Triệu Quốc Hiếu**